

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC ĐAN MẠCH
Ngày 25 tháng 08 năm 1993

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và đẩy mạnh hợp tác giữa các xí nghiệp của hai quốc gia để khuyến khích việc sử dụng có hiệu quả các tiềm năng ; Nhận thấy rằng, sự đối xử công bằng, thỏa đáng đối với đầu tư sẽ giúp cho việc thực hiện mục đích này; Hai bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này,

(1) Thuật ngữ "đầu tư" có nghĩa là loại tài sản liên quan đến những hoạt động kinh tế được thực hiện nhằm mục đích thiết lập mối quan hệ kinh tế lâu dài giữa nhà đầu tư và xí nghiệp dù dưới bất cứ hình thức pháp lý nào, kể cả liên doanh. Thuật ngữ đầu tư còn bao gồm bất kỳ phần góp vốn nào thuộc sở hữu của nhà đầu tư, cũng như bất kỳ sự tăng vốn nào, và đặc biệt, nhưng không phải chỉ là:

- (i) cổ phần, phần tham gia, hoặc bất kỳ hình thức tham gia nào khác công ty được thành lập trên lãnh thổ của một Bên ký kết;
- (ii) thu nhập được tái đầu tư, khiếu nại về tiền, hoặc các quyền khác liên quan tới các dịch vụ có giá trị tài chính;
- (iii) động sản, bất động sản, cũng như các quyền khác như cầm cố, đặc quyền, bảo đảm và bất kỳ quyền tương tự nào khác phù hợp với Luật của Bên ký kết mà tài sản nằm trên lãnh thổ của Bên ký kết đó;
- (iv) quyền sở hữu về công nghiệp và trí tuệ, công nghệ, nhãn hiệu thương mại, đặc quyền kế nghiệp, bí quyết kỹ thuật và

Điều 2
Khuyến khích đầu tư

Mỗi Bên ký kết sẽ chấp nhận những khuyến khích đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và thực tiễn hành chính nước mình, và khuyến khích tối đa những đầu tư đó, kể cả việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các văn phòng đại diện.

Điều 3
Bảo hộ đầu tư

- (1) Những đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ được đối xử công bằng, thỏa đáng và được bảo hộ đầy đủ, an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ một biện pháp nào bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử làm thiệt hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, điều hành hoặc chuyển nhượng những đầu tư trên lãnh thổ nước mình của nhà đầu tư Bên ký kết kia.

- (2) Trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật và quy định của mình, không một Bên ký kết nào được đối xử đối với những đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia hoặc những thu nhập từ đầu tư đó kém thuận lợi hơn so với những đối xử dành cho đầu tư hoặc cho thu nhập của những nhà đầu tư của mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào (tiêu chuẩn được coi là thuận lợi hơn tùy theo quan điểm của nhà đầu tư).
- (3) Trên lãnh thổ của mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật và quy định của mình, không một Bên ký kết nào được đối xử với nhà đầu tư của Bên ký kết kia trong việc quản lý

Điều 4

Trường hợp ngoại lệ

- (1) Những quy định của Hiệp định này liên quan đến việc bảo đảm đối xử không kém thuận lợi hơn so với đối xử dành cho các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết kia hoặc của bất kỳ nước thứ ba nào sẽ không có nghĩa là bắt buộc mỗi Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào xuất phát từ:
 - (a) bất kỳ một liên minh thuế quan hiện tại hoặc tương lai, những tổ chức kinh tế khu vực hoặc các Hiệp định quốc tế tương tự, mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ tham gia; hoặc
 - (b) bất kỳ Hiệp định hay thỏa thuận quốc tế hoặc pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hay chủ yếu đến việc đánh thuế.
- (2) Những quy định của Điều 7, mục 1 của Hiệp định này sẽ không cản trở tới quyền của mỗi Bên ký kết thực hiện các biện pháp bảo hộ đối với việc chuyển vốn của nhà đầu tư của Bên ký kết kia miễn là các biện pháp đó được thực hiện phù hợp với các Hiệp định đa phương mà mỗi Bên ký kết đã hoặc sẽ là thành viên.

Điều 5

Tước đoạt quyền sở hữu và bồi thường

Những đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hóa, tước đoạt hoặc bị áp dụng các biện pháp có hậu quả tương tự như quốc hữu hóa, tước đoạt quyền sở hữu (sau đây gọi là "tước đoạt quyền sở hữu") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, trừ trường hợp vì mục đích công cộng do nhu cầu nội bộ của Bên tước đoạt quyền sở hữu, trên cơ sở không phân biệt đối xử và phải bồi thường nhanh chóng, đầy đủ và có hiệu quả. Khoản bồi thường đó sẽ được tính theo giá thị trường của khoản đầu tư bị tước đoạt ngay trước khi việc tước đoạt quyền sở hữu hoặc việc đe dọa tước đoạt quyền sở hữu đó được công bố. Việc bồi thường sẽ được thực hiện không chậm trễ, bao gồm cả lãi suất Libor cho đến ngày thanh toán và có hiệu quả bằng đồng tiền chuyển đổi và được tự do chuyển. Sẽ có quy định pháp lý cho phép nhà đầu tư có liên quan được quyền ngay lập tức xem xét tình hình hợp pháp của các biện pháp đã thực hiện chống lại việc đầu tư và sự xác định giá phù hợp với các nguyên tắc nêu trong mục này theo thủ tục pháp lý

Điều 6

Bồi thường thiệt hại

Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có những đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, bạo loạn, nổi dậy trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ được Bên ký kết dành cho sự đối xử về việc hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc các biện pháp khác không kém thuận lợi hơn so với nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba (tiêu chuẩn được coi là thuận lợi hơn tùy theo quan điểm của nhà đầu tư). Việc thanh toán theo quy định của Điều này sẽ được tự do chuyển; tiến hành không chậm trễ và thực hiện có hiệu quả bằng đồng tiền chuyển đổi.

Điều 7

Chuyển vốn và thu nhập

- (1) Mỗi Bên ký kết sẽ cho phép chuyển đổi không chậm trễ:
 - (a) Vốn đầu tư hoặc khoản thu từ việc thanh lý, chuyển nhượng toàn bộ hay từng phần đầu tư;
 - (b) Những thu nhập thực tế;
 - (c) Những thanh toán cho các khoản tín dụng đầu tư và các khoản lãi đến hạn;
 - (d) Phần thu nhập hợp pháp của người nước ngoài được phép làm việc cho dự án đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.
- (2) Sự chuyển tiền theo Điều 5, 6 và mục (1) của Điều này sẽ được thực hiện bằng đồng tiền chuyển đổi đã dùng để đầu tư hoặc bằng bất kỳ đồng tiền chuyển đổi nào, nếu được nhà đầu tư chấp thuận, theo tỷ giá chuyển đổi chính thức vào ngày chuyển.

Điều 8

Thế quyền

Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được họ chỉ định tiến hành việc thanh toán cho nhà đầu tư của mình theo sự bảo đảm đã thỏa thuận đối với đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, thì Bên ký kết kia sẽ công nhận:

- (a) Sự chuyển nhượng theo luật hoặc theo một sự giao dịch hợp pháp tại nước đó về bất kỳ quyền hoặc khiếu nại nào của nhà đầu tư cho Bên ký kết của nhà đầu tư hoặc cơ quan được chỉ định, cũng như là
- (b) Bên ký kết của nhà đầu tư đó hoặc cơ quan được chỉ định được thế quyền thực hiện các quyền và khiếu nại của nhà đầu tư và sẽ thực hiện các nghĩa vụ liên quan tới đầu tư.

Điều 9

Tranh chấp giữa một bên ký kết và nhà đầu tư

- (1) Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết với Bên ký kết kia sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa các Bên tranh chấp.
- (2) Nếu vụ tranh chấp giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia không được giải quyết xong trong thời gian 03 tháng, thì nhà đầu tư có quyền đưa vụ tranh chấp ra:
 - (a) Trung tâm Quốc tế giải quyết các tranh chấp về đầu tư theo các điều khoản của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các Quốc gia và các Công dân của

các Quốc gia khác được ký kết tại Washington D.C ngày 18 tháng 03 năm 1965, trong trường hợp hai Bên ký kết là thành viên của Công ước này, hoặc (b) Một trọng tài viên hoặc tổ chức trọng tài ad-hoc quốc tế được thành lập theo Quy chế Trọng tài của Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại quốc tế. Các Bên tranh chấp có thể thỏa thuận bằng văn bản về việc thay đổi Quy chế này. Phán quyết trọng tài và chung thẩm và bắt buộc đối với hai Bên tranh chấp.

Điều 10

Những tranh chấp giữa các bên ký kết

- (1) Những tranh chấp giữa các bên ký kết liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, sẽ cố gắng giải quyết bằng thương lượng giữa các Bên ký kết.
- (2) Nếu vụ tranh chấp đó không giải quyết được trong vòng 03 tháng kể từ khi bắt đầu thương lượng, thì theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết, vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án trọng tài.
- (3) Tòa án trọng tài sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách thức như sau: Trong vòng 03 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu về trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Tòa án trọng tài. Hai thành viên này sẽ chọn một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch Tòa án, người này được hai Bên ký kết chấp thuận. Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng 03 tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.
- (4) Nếu trong thời gian đã ấn định, sự chỉ định cần thiết chưa được thực hiện và không có bất kỳ thỏa thuận nào khác, thì một trong hai Bên ký kết có thể mời Chủ tịch Tòa án Quốc tế tiến hành việc chỉ định cần thiết

Điều 11

Trao đổi ý kiến

- (1) Mỗi Bên ký kết có thể đề nghị Bên ký kết kia trao đổi ý kiến về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến việc áp dụng Hiệp định này. Việc trao đổi này sẽ được tổ chức theo đề nghị của một trong các Bên ký kết tại địa điểm và thời gian được thỏa thuận qua đường ngoại giao.
- (2) Việc trao đổi ý kiến về áp dụng Điều 3, mục 2 và 3 sẽ được tiến hành trong vòng 3 năm kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực. Những trao đổi này nhằm thỏa thuận về việc qui chế đãi ngộ như nhà đầu tư trong nước có được áp dụng đầy đủ hay không và sửa đổi Điều 3 mục 2 và 3 cho phù hợp với những thỏa thuận đó.

Điều 12

Áp dụng Hiệp định

Những quy định của Hiệp định này sẽ được áp dụng cho những đầu tư do các nhà đầu tư của một Bên ký kết thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sau ngày 29 tháng 12 năm 1987.

Điều 13

Mở rộng trên lãnh thổ

Theo Điều 1, Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với đảo Faroe và Greenland. Những quy định của Hiệp định này có thể được áp dụng đối với đảo Faroe và Greenland nếu có sự thỏa thuận bằng trao đổi công hàm giữa các Bên ký kết.

Điều 14

Hiệu lực

Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày Chính phủ của các Bên ký kết thông báo cho nhau về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

Điều 15

Thời hạn và kết thúc

- (1) Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời gian 10 năm và tiếp tục có hiệu lực sau đó, trừ khi sau khi kết thúc giai đoạn 10 năm đầu, một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về ý định kết thúc Hiệp định. Thông báo về kết thúc sẽ có hiệu lực một năm sau khi Bên ký kết kia nhận được thông báo.
- (2) Đối với những đầu tư được thực hiện trước ngày có hiệu lực của thông báo về việc kết thúc Hiệp định này, những quy định của các Điều từ Điều 1 đến 10 có hiệu lực thêm 10 năm nữa kể từ ngày đó.
Chứng thực cho việc ký kết dưới đây, người đại diện có thẩm quyền của Chính phủ mỗi nước ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 25 tháng 08 năm 1993 bằng tiếng Việt Nam, tiếng Đan Mạch và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh